ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 12

**TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN**

NỘI DUNG KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II

**NĂM HỌC 2022 – 2023**

**MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6**

|  |  |
| --- | --- |
| **CHỦ ĐỀ** | **NỘI DUNG/BÀI** |
| 1. **CHỦ ĐỀ 8:** **ĐA DẠNG THẾ GIỚI SỐNG** | Bài 31: Động vật  Bài 33: Đa dạng sinh học |
| 2. **CHỦ ĐỀ 9: LỰC** | Bài 35: Lực và biễu diễn lực  Bài 36: Tác dụng của lực  Bài 37: Lực hấp dẫn  Bài 38: Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc |
| 3. **CHỦ ĐỀ 10: NĂNG LƯỢNG VÀ CUỘC SỐNG** | Bài 42: Định luật Bảo toàn năng lượng (hết phần I). |

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẠN 12**

**TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN**

# MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ II

**MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6**

**NĂM HỌC 2022 – 2023**

**1) Khung ma trận**

**-** Thời điểm kiểm tra: *Kiểm tra cuối học kì 2 khi kết thúc nội dung: Bài 42 Năng lượng (hết phần 1. Bảo toàn năng lượng)*

- Thời gian làm bài: *60 phút.*

- Hình thức kiểm tra: *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 50% trắc nghiệm, 50% tự luận).*

- Cấu trúc**:**

* Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*
* Phần trắc nghiệm: 5,0 điểm, *(gồm 20 câu hỏi: nhận biết: 12 câu, thông hiểu: 4 câu, vận dụng 4 câu), mỗi câu 0,25 điểm;*
* Phần tự luận: 5,0 điểm *(Gồm 3 câu hỏi: Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 1,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).*
* Nội dung cuối học kì II: 100*% (10,0 điểm)*

| **Chủ đề** | ***Số tiết*** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu** | | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  | |  |
| **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** |  |
| *1* |  | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | ***10*** | ***11*** | *12* |
| CHỦ ĐỀ 8: ĐA DẠNG THẾ GIỚI SỐNG | ***26*** | 6  1,5đ |  | 2  0,5đ |  | 2  0,5đ |  |  | 1  1đ | **10** | **1 câu 1 ý** | 3,5đ |
| CHỦ ĐỀ 9: LỰC | ***15*** | 4  1đ | 1 ý  1đ | 1  0,25đ | 1 ý  1đ | 1  0,25đ | 1 ý  1đ |  |  | **6** | **1 câu 3 ý** | 4,5đ |
| CHỦ ĐỀ 10: NĂNG  LƯỢNG VÀ CUỘC SỐNG | ***10*** | 2  0,5đ | 1  1đ | 1  0,25đ | 1  1đ | 1  0,25đ |  |  |  | **4** | **1 câu 2 ý** | 2đ |
| **Số câu TN/ Số ý TL (số yccđ)** |  | **12** | **1C, 1 ý** | **4** | **1C, 1 ý** | **4** | **1ý** |  | **1** | **20** | **3** | **10** |
| **Điểm số** |  | **3đ** | **2đ** | **1đ** | **2đ** | **1đ** | **1đ** |  | **1đ** | **5đ** | **5đ** | **10** |
| **Tổng số điểm** |  | **4,0 điểm** | | **3,0 điểm** | | **2,0 điểm** | | **1,0 điểm** | | **10 điểm** | | **10 điểm** |

**2. Bảng đặc tả**

**BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ 2**

**MÔN: KHTN 6**

**NĂM HỌC 2022 - 2023**

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số ý TL/số câu hỏi TN** | | **Câu hỏi** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TL**  **(Số ý)** | **TN**  **(Số câu)** | **TL**  **(Số ý)** | **TN**  **(Số câu)** |
| ***1. Chủ đề 8: Đa dạng thế giới sống (26 tiết)*** | | |  |  |  |  |
| - Sự đa dạng nguyên sinh vật.  - Một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên.  - Sự đa dạng nấm.  - Vai trò của nấm.  - Một số bệnh do nấm gây ra.  - Sự đa dạng.  - Thực hành.  - Sự đa dạng.  - Thực hành. | **Nhận biết** | –Nêu được một số bệnh do nấm gây ra. |  |  |  |  |
| * Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên |  |  |  |  |
| – Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh và hình thái của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi tên được một số con vật điển hình. |  | 2 |  | C1, C2 |
| – Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh và hình thái của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi tên được một số con vật điển hình |  | 1 |  | C3 |
| – Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống và trong tự nhiên |  | 1 |  | C4 |
| – Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong đời sống và trong tự nhiên (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường,...). |  | 2 |  | C5, C6 |
| **Thông hiểu** | * Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên |  |  |  |  |
| – Nhận biết được một số đại diện nấm thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: nấm đảm, nấm túi,...) |  |  |  |  |
| – Nêu được vai trò của nấm trong tự nhiên, trong thực tiễn đời sống và nêu được một số ứng dụng của nấm: nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc,... |  |  |  |  |
| – Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra. |  |  |  |  |
| - Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Rêu, Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín). |  |  |  |  |
| – Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng,...). |  |  |  |  |
| - Phân biệt được 2 nhóm động vật không xương sống và có xương sống. lấy được ví dục minh họa  - Quan sát được hình ảnh/mẫu vật thực vật để phân thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học |  | 2 |  | C7, C8 |
| **Vận dụng bậc thấp** | - Thông qua thực hành, quan sát và vẽ được hình nấm (mắt thường và hoặc kính lúp) |  |  |  |  |
| * Giải thích được vì sao cần bảo vệ sự đa dạng sinh học. |  | 2 |  | C9, C10 |
| – Thực hành quan sát, chụp ảnh, ghi chép về các mẫu vật một số động vật ngoài thiên nhiên. |  |  |  |  |
| **Vận dụng bậc cao** | * Vận dụng được hiểu biết về nấm vào giải thích một số hiện tượng/vấn đề trong đời sống như kĩ thuật trồng nấm, nấm ăn được/nấm độc,... |  |  |  |  |
| * Đề xuất biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học | 1 |  |  | C21 |
| * Sử dụng được khoá lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật. |  |  |  |  |
|  | ***2. Chủ đề 9: Lực ( 15 tiết)*** | |  |  |  |  |
| - Lực và tác dụng của lực  – Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc  – Lực cản của nước  – Khối lượng và trọng lượng  – Biến dạng của lò xo | **Nhận biết** | - Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo. |  |  |  |  |
| - Nêu được đơn vị lực đo lực là N (newton)  - Nhận biết được dụng cụ đo lực là lực kế. |  | 1 |  | C11 |
| - Nêu được: Lực tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực; lấy được ví dụ về lực tiếp xúc |  | 1 |  | C12 |
| - Nêu được: Lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực; lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc |  | 1 |  | C13 |
| - Nêu được: Lực ma sát là lực tiếp xúc xuất hiện ở bề mặt tiếp xúc giữa 2 vật; khi nào xuất hiện ma sát trượt, ma sát nghỉ |  |  |  |  |
| - Nêu được tác dụng cản trở và tác dụng thúc đẩy của lực ma sát. |  |  |  |  |
| - Nêu được khái niệm về khối lượng.  - Nêu được khái niệm lực hấp dẫn.  - Nêu được khái niệm trọng lượng của vật | 1 | 1 | C22 a | C14 |
| **Thông hiểu** | - Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng của sự kéo hoặc đẩy. | 1 |  | C22 b |  |
| - Biết cách sử dụng lực kế để đo lực (ước lượng độ lớn lực tác dụng lên vật, chọn lực kế thích hợp, tiến hành đúng thao tác đo, đọc giá trị của lực trên lực kế). |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi tốc độ, thay đổi hướng chuyển động, biến dạng |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ vật chịu tác dụng của lực cản khi chuyển động trong môi trường (nước hoặc không khí) |  | 1 |  | C15 |
| - Giải thích được một số hiện tượng thực tế liên quan đến lực hấp dẫn, trọng lực. |  |  |  |  |
| - Thực hiện thí nghiệm chứng minh được độ giãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng của vật treo. |  |  |  |  |
| **Vận dụng bậc thấp** | - Biểu diễn được lực tác dụng lên 1 vật trong thực tế và chỉ ra tác dụng của lực trong trường hợp đó. |  |  |  |  |
| - Chỉ ra được tác dụng cản trở hay tác dụng thúc đẩy chuyển động của lực ma sát nghỉ (trượt, nghỉ) trong trường hợp thực tế. |  |  |  |  |
| **-** Lấy được ví dụ về một số ảnh hưởng của lực ma sát trong an toàn giao thông đường bộ. |  |  |  |  |
| - Xác định được trọng lượng của vật khi biết khối lượng của vật hoặc ngược lại | 1 | 1 | C22 c | C16 |
|  | ***3.* Chủ đề 10: Năng lượng và cuộc sống (10 tiết)** | |  |  |  |  |
| – Khái niệm về năng lượng  – Một số dạng năng lượng  – Sự chuyển hoá năng lượng  – Năng lượng hao phí  – Năng lượng tái tạo  –Tiết kiệm năng lượng | **Nhận biết** | - Từ tranh, ảnh (hình vẽ, hoặc học liệu điện tử), hiện tượng trong khoa học hoặc thực tế, lấy ví dụ để chứng tỏ năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực |  |  |  |  |
| - Phân loại được năng lượng theo tiêu chí |  |  |  |  |
| - Lấy ví dụ chứng tỏ được: năng lượng có thể chuyển từ dạng này sang dạng khác, từ vật này sang vật khác. | 1 | 2 | C23 b | C17, C18 |
| - Nêu được: Vật liệu giải phóng năng lượng, tạo ra nhiệt và ánh sáng khi đốt cháy gọi là nhiên liệu |  |  |  |  |
| - Nêu được: Năng lượng hao phí luôn xuất hiện khi năng lượng được chuyển từ dạng này sang dạng khác, từ vật này sang vật khác |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Lấy được ví dụ về một số năng lượng tái tạo thông dụng |  |  |  |  |
| - Nêu được định luật bảo toàn năng lượng và lấy được ví dụ minh hoạ. | 1 | 1 | C23 a | C19 |
| **Vận dụng** | - Nêu được sự truyền năng lượng trong một số trường hợp đơn giản trong thực tiễn |  | 1 |  | C20 |
|  | - Đề xuất được biện pháp để tiết kiệm năng lượng trong các hoạt động hằng ngày |  |  |  |  |

**HẾT**

|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN QUẬN 12**  **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN 12**  **TRƯỜNG THCS, THPT TRẦN CAO VÂN**  ( Đề có 03 trang) | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 2**  **Năm học: 2022 - 2023**  **Môn thi: KHTN 6**  *Thời gian: 60 phút, không kể thời gian phát đề* |

**Họ và tên thí sinh**:................................................................**Lớp**:.............................

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 điểm)**

**Câu 1.** Nhóm động vật nào dưới đây không thuộc ngành động vật có xương sống?

**A.** Bò sát.               **B.** Lưỡng cư.                   **C.** Chân khớp.                 **D.** Thú.

**Câu 2.** Loài động vật nào dưới đây thuộc lớp Thú?

**A.** Cá mập.             **B.** Cá heo.               **C.** Cá chim.             **D.** Cá chuồn.

**Câu 3.** Động vật không xương sống bao gồm?

**A.** Cá, lưỡng cư, bò sát, chim, thú. **B.** Ruột khoang, giun, thân mềm, chân khớp.

**C.** Bò sát, lưỡng cư, chân khớp, ruột khoang. **D.** Thú, chim, ruột khoang, cá, giun.

**Câu 4.** Loài động vật nào chuyên đục ruỗng các đồ dùng bằng gỗ trong gia đình?

**A.** Mối.                   **B.** Rận.                   **C.** Ốc sên.               **D.** Bọ chét.

**Câu 5.** Vai trò nào dưới đây không phải của đa dạng sinh học đối với tự nhiên?

**A.** Cung cấp nguồn dược liệu. **B.** Điều hòa khí hậu.

**C.** Bảo vệ nguồn nước. **D.** Duy trì sự ổn định của hệ sinh thái.

**Câu 6.** Cho các vai trò sau:

(1) Cung cấp thực phẩm.

(2) Hỗ trợ con người trong lao động.

(3) Là thức ăn cho các động vật khác.

(4) Gây hại cho cây trồng.

(5) Bảo vệ an ninh.

(6) Là tác nhân gây bệnh hoặc vật trung gian truyền bệnh.

Đâu là vai trò của động vật trong đời sống con người?

**A.** (1), (3), (5).                 **B.** (2), (4), (6).  **C.** (1), (2), (5).               **D.** (3), (4), (6).

**Câu 7.** Cho các loài động vật sau:

(1) Sứa.                            (5) Cá ngựa.

(2) Giun đất.                    (6) Mực.

(3) Ếch giun.                    (7) Tôm.

(4) Rắn.                           (8) Rùa.

Loài động vật nào thuộc ngành động vật không xương sống?

**A.** (1), (3), (5), (7).            **B.** (2), (4), (6), (8).

**C.** (3), (4), (5), (8). **D.** (1), (2), (6), (7).

**Câu 8.** Rùa trong hình bên là đại diện của nhóm động vật nào sau đây?

**A.** Bò sát.

**B.** Cá.

**C.** Thú.

**D.** Lưỡng cư.

**Câu 9.** Vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học?

**A.** Đa dạng sinh học giúp cân bằng hệ sinh thái.

**B.** Đa dạng sinh học giúp bảo vệ môi trường.

**C.** Đa dạng sinh học cung cấp nguồn lương thực – thực phẩm, dược liệu.

**D.** Cả A, B và C.

**Câu 10.** Hành động nào dưới đây là hành động bảo vệ đa dạng sinh học?

**A.** Khai thác tối đa nguồn lợi từ rừng.

**B.** Đánh bắt cá bằng lưới có mắt với kích thước nhỏ.

**C.** Bảo tồn động vật hoang dã.

**D.** Săn bắt động vật quý hiếm.

**Câu 11.** Đơn vị nào sau đây là đơn vị lực?

**A.** kilôgam (kg). **B.** mét (m). **C.** mét khối (m3). **D**. niutơn (N).

**Câu 12.** Trường hợp nào sau đây liên quan đến lực tiếp xúc?

**A.** Bạn Nam đang mở cửa lớp.

**B.** Lực Trái Đất tác dụng lên quả táo đang ở trên cây.

**C.** Các bạn đang làm thí nghiệm với thanh nam châm.

**D.** Lực của nam châm hút thanh sắt đặt cách nó một đoạn.

**Câu 13.** Trường hợp nào sau đây liên quan đến lực không tiếp xúc?

**A.** Lực của chân cầu thủ tác dụng lên quả bóng.

**B.** Trái Đất quay quanh Mặt Trời.

**C.** Lực của gió tác dụng lên cánh buồm.

**D.** Tay cầm một ly nước

**Câu 14.** Điền vào chỗ trống “…” để được câu hoàn chỉnh:

…. là số đo lượng chất của một vật. Khi không tính bao bì thì khối lượng đó được gọi là khối lượng tịnh.

**A.** Trọng lượng. **B.** Số đo lực. **C.** Khối lượng. **D.** Động nặng.

**Câu 15.** Trong các trường hợp sau, trường hợp nào chịu lực cản của nước?

**A.** Quả dừa rơi từ trên cây xuống.

**B.** Bạn Lan đang tập bơi.

**C.** Bạn Hoa đi xe đạp tới trường.

**D.** Chiếc máy bay đang bay trên bầu trời

**Câu 16.** Trọng lượng của một thùng hàng có khối lượng 20 kg là:

**A.** 20 N. **B.** 2 N. **C.** 200 N. **D.** 0,2 N.

**Câu 17.** Khi quạt điện hoạt động thì có sự chuyển hoá

**A.** cơ năng thành điện năng. **B.** điện năng thành hoá năng.

**C.** nhiệt năng thành điện năng.  **D.** điện năng thành cơ năng.

**Câu 18.** Phát biểu nào sau đây đúng? Khi máy sấy tóc hoạt động,

**A.** phần lớn điện năng tiêu thụ chuyển hóa thành nhiệt năng.

**B.** phần lớn điện năng tiêu thụ chuyển hóa thành cơ năng.

**C.** phần lớn điện năng tiêu thụ chuyển hóa thành năng lượng âm.

**D.** phần lớn điện năng tiêu thụ chuyển hóa thành quang năng.

**Câu 19.** Thả một quả bóng bàn rơi từ một độ cao nhất định, sau khi chạm đất quả bóng không nảy lên đến độ cao ban đầu vì

**A.** quả bóng bị trái đất hút. **B.** thế năng của quả bóng đã chuyển thành động năng.

**C.** quả bóng đã bị biến dạng. **D.** một phần cơ năng đã chuyển hoá thành nhiệt năng.

**Câu 20.** Đèn sợi đốt treo trên trần nhà đang sáng thì năng lượng có ích là năng lượng nào?

**A.** nhiệt năng. **B.** quang năng. **C.** động năng. **D.** thế năng.

**B. PHẦN TỰ LUẬN (5 điểm)**

**Câu 21. (1 điểm)**  Em hãy đề xuất bốn biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học.

**Câu 22. (2 điểm)**

1. Nêu khái niệm trọng lượng của vật.
2. Một người nâng thùng hàng lên theo phương thẳng đứng với lực có độ lớn 300N. Hãy biểu diễn lực đó trên hình vẽ (tỉ xích 1cm ứng với 100N).
3. Hãy cho biết khối lượng tương ứng của thùng hoa quả có trọng lượng 70N.

**Câu 23. (2 điểm)**

1. Em hãy nêu định luật bảo toàn năng lượng và lấy một ví dụ minh hoạ.
2. Hãy nêu tên thiết bị/ dụng cụ trong đó có sự chuyển hoá năng lượng từ

* hoá năng thành điện năng.
* nhiệt năng thành quang năng.
* điện năng thành cơ năng và nhiệt năng.

-----**HẾT**-----

Học sinh **không** được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

**ĐÁP ÁN -** **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 2 – KHTN 7**

**A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. C** | **2. B** | **3. B** | **4. A** | **5. A** | **6. C** | **7. D** | **8. A** | **9. D** | **10. C** |
| **11. D** | **12. A** | **13. B** | **14. C** | **15. B** | **16. C** | **17. D** | **18. A** | **19. D** | **20. B** |

**B. PHẦN TỰ LUẬN (5,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **Câu 1**  **(1,0 điểm)** | - Tăng cường các hoạt động trồng cây, bảo vệ rừng.  - Tuyên truyền, nâng cao ý thức của mọi người về việc bảo vệ rừng.  - Tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường: vệ sinh khu vực sống, không vứt rác bừa bãi,…  - Tích cực tố giác với cơ quan chức năng các hành vi khai thác và săn bắn động thực vật hoang dã trái phép.  **Mỗi biện pháp đúng được 0,25 điểm.** | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **Câu 2**  **(2,0 điểm)** | **a)** Trọng lượng của vật là độ lớn lực hút của Trái Đất tác dụng lên vật. | 0,5 |
| **b)**  100N | 0,5 |
| **c)** Khối lượng tương ứng của thùng hoa quả có trọng lượng 70N là: 70 : 10 = 7 (kg) | 1,0 |
| **Câu 23**  **(2,0 điểm)** | **a)** Định luật bảo toàn năng lượng: Năng lượng không tự nhiên sinh ra cũng không tự nhiên mất đi, nó chỉ chuyển từ dạng này sang dạng khác hoặc truyền từ vật này sang vật khác.  *Ví dụ:* Khi quạt điện hoạt động, điện năng cung cấp cho quạt điện chuyển hoá thành cơ năng làm cho quạt quay và nhiệt năng làm nóng quạt. Tổng hai dạng năng lượng này bằng điện năng đã cung cấp cho quạt. | 0,5  0,5 |
| 1. **b)** - Pin đồng hồ điện tử. 2. - Bóng đèn dây tóc. 3. - Quạt điện. 4. **Học sinh trả lời đáp án khác đúng vẫn cho trọn điểm.** | 0,5  0,5  1,0 |